

	QUY ĐỊNH VỀ VIỆC SỬ DỤNG DẤU VÀ TUYÊN BỐ VỀ THẨM TRA/THẨM ĐỊNH CỦA TUV NORD VIỆT NAM RULES FOR USE OF VERIFICATION/VALIDATION MARK AND STATEMENT OF TUV NORD VIETNAM	Doc. No.: TNV-V00MU03
		REV: 00
		Page 1 of 8

LỊCH SỬ SỬA ĐỔI/ CHANGE HISTORY		
REV	Ngày có hiệu lực Effective Date	Lý do / Nội dung thay đổi Reason / Nature of Changes
00	30/09/2026	Áp dụng lần đầu <i>Initial adoption</i>

REV.	SOẠN THẢO PREPARED	XEM XÉT REVIEWED	PHÊ DUYỆT APPROVED
00	Mai Hong Que Digitally signed by Mai Hong Que Date: 2026.09.28 10:27:24 +07'00' Điều phối sau chứng nhận <i>Post audit</i> MAI HỒNG QUẾ 28/09/2026	 Digitally signed by Doan Minh Quang Date: 2026.09.29 17:40:45 +07'00' Giám đốc chất lượng <i>Quality Manager</i> ĐOÀN MINH QUANG 30/09/2026	Le Sy Trung Digitally signed by Le Sy Trung Date: 2026.09.30 18:30:27 +07'00' Tổng giám đốc <i>General Manager</i> LÊ SỸ TRUNG 30/09/2026

	QUY ĐỊNH VỀ VIỆC SỬ DỤNG DẤU VÀ TUYÊN BỐ VỀ THẨM TRA/THẨM ĐỊNH CỦA TUV NORD VIỆT NAM RULES FOR USE OF VERIFICATION/VALIDATION MARK AND STATEMENT OF TUV NORD VIETNAM	Doc. No.: TNV-V00MU03
		REV: 00
		Page 2 of 8

1. MỤC ĐÍCH PURPOSE

Quy định thống nhất việc quản lý và sử dụng dấu thẩm tra/thẩm định, bản Ý kiến thẩm tra/thẩm định và các tuyên bố viện dẫn kết quả thẩm tra/thẩm định, nhằm bảo đảm việc viện dẫn là chính xác, không gây hiểu lầm và có thể truy xuất đến TUV NORD Việt Nam và bản Ý kiến tương ứng.

To establish consistent rules for the management and use of the verification/validation mark, the verification/validation Opinion and statements referring to verification/validation results, ensuring that such references are accurate, non-misleading and traceable to TUV NORD Vietnam and the relevant Opinion.

2. PHẠM VI ÁP DỤNG SCOPE

Áp dụng cho hoạt động thẩm tra/thẩm định do TUV NORD Việt Nam thực hiện theo ISO/IEC 17029, ISO 14065, ISO 14064-3 và các chương trình/tiêu chí áp dụng có liên quan; áp dụng cho khách hàng, nhân sự TUV NORD Việt Nam và các bên được cho phép sử dụng hoặc viện dẫn dấu, ý kiến hoặc kết quả thẩm tra/thẩm định.

Applicable to verification/validation activities performed by TUV NORD Vietnam in accordance with ISO/IEC 17029, ISO 14065, ISO 14064-3 and applicable programmes/criteria; and to clients, TUV NORD Vietnam personnel and parties authorized to use or refer to the mark, Opinion or verification/validation results.

Quy định này áp dụng tương tự đối với các phụ lục hoặc tài liệu bổ sung của ý kiến. Trường hợp chương trình hoặc tiêu chí áp dụng có yêu cầu riêng về dấu, các yêu cầu đó phải được xem xét và áp dụng tương ứng.

These rules also apply to annexes or supplements to an Opinion. Where the applicable programme or criteria contain specific mark requirements, those requirements shall be considered and applied accordingly.

3. THUẬT NGỮ VÀ ĐỊNH NGHĨA TERMS AND DEFINITIONS

Thuật ngữ / Term	Định nghĩa / Definition
Bản Tuyên bố thẩm tra/thẩm định <i>Verification/Validation Statement</i>	Tài liệu do TUV NORD Việt Nam phát hành thể hiện ý kiến kết quả và phạm vi thẩm tra/thẩm định (sau đây được gọi là Ý kiến) <i>A document issued by TUV NORD Vietnam presenting the opinion the result and scope of verification/validation (here after refer as Opinion).</i>
Dấu thẩm tra/thẩm định <i>Verification/validation mark</i>	Dấu do TUV NORD Việt Nam cung cấp để nhận biết đối tượng/claim đã được thẩm tra hoặc thẩm định trong phạm vi và điều kiện nêu trong ý kiến. <i>Verification/validation mark: a mark provided by TUV NORD Vietnam identifying an object/claim that has been verified or validated within the scope and conditions stated in the Opinion.</i>
Đối tượng được thẩm tra/thẩm định <i>Verified/validated object</i>	Tổ chức, cơ sở hoạt động, dự án, sản phẩm, dịch vụ hoặc đối tượng khác được nêu cụ thể trong ý kiến. <i>Verified/validated object: an organization, operating facility, project, product, service or other object specifically identified in the Opinion.</i>

	QUY ĐỊNH VỀ VIỆC SỬ DỤNG DẤU VÀ TUYÊN BỐ VỀ THẨM TRA/THẨM ĐỊNH CỦA TUV NORD VIỆT NAM RULES FOR USE OF VERIFICATION/VALIDATION MARK AND STATEMENT OF TUV NORD VIETNAM	Doc. No.: TNV-V00MU03
		REV: 00
		Page 3 of 8

Thuật ngữ / Term	Định nghĩa / Definition
Tuyên bố/viện dẫn kết quả <i>Claim / Reference to results</i>	Thông tin bằng văn bản hoặc hình thức truyền thông khác dùng để thông báo rằng một tuyên bố (claim)/đối tượng đã được TUV NORD Việt Nam thẩm tra/thẩm định. <i>Written information or other forms of communication used to announce that a claim/object has been verified or validated by TUV NORD Vietnam.</i>

4. NGUYÊN TẮC CHUNG GENERAL PRINCIPLES

- Dấu chỉ được sử dụng khi có ý kiến hợp lệ và việc sử dụng phù hợp với phạm vi, đối tượng và điều kiện được nêu trong ý kiến.
The mark may only be used where a valid Opinion exists and the use is consistent with the scope, object and conditions stated in the Opinion.
- Quyền sử dụng dấu chỉ cấp cho khách hàng được nêu trong ý kiến; quyền này không mặc nhiên được chuyển giao cho bên thứ ba hoặc người kế thừa pháp lý.
The right to use the mark is granted to the client identified in the Opinion and is not automatically transferable to a third party or legal successor.
- Dấu phải được sử dụng theo đúng mẫu/định dạng do TUV NORD Việt Nam cung cấp; không được tự ý sửa đổi, biến dạng hoặc kết hợp với nội dung làm thay đổi ý nghĩa của dấu.
The mark shall be used in the form provided by TUV NORD Vietnam and shall not be altered, distorted or combined with content that changes its meaning.
- Mọi tuyên bố và hình thức viện dẫn phải trung thực, rõ ràng và không được tạo ấn tượng rằng TUV NORD Việt Nam là cơ quan nhà nước hoặc rằng toàn bộ tổ chức/sản phẩm/dịch vụ đã được thẩm tra/thẩm định nếu phạm vi thực tế hẹp hơn.
All statements and references shall be truthful, clear and shall not create the impression that TUV NORD Vietnam is a governmental authority or that the entire organization/product/service has been verified/validated where the actual scope is narrower.

5. MẪU DẤU VÀ PHÊ DUYỆT SỬ DỤNG MARK FORM AND AUTHORIZATION

- Dấu thẩm tra/thẩm định được sử dụng tùy thuộc vào loại ý kiến được ban hành. TUV NORD Việt Nam là đơn vị kiểm soát mẫu dấu và quyết định mẫu dấu áp dụng cho từng trường hợp.
The verification/validation mark to be used depends on the type of Opinion issued. TUV NORD Vietnam controls the mark artwork and determines the applicable mark for each case.
- Mẫu dấu chính thức phải được sử dụng nguyên trạng. Kích thước có thể thay đổi để phù hợp với phương tiện trình bày nhưng phải bảo đảm dấu dễ đọc, rõ ràng và không làm thay đổi tỷ lệ hoặc nội dung nhận diện.
The official mark shall be used without alteration. Its size may be adjusted to suit the medium, provided that it remains legible, clearly visible and its proportions and identifying content are not changed.
- Khi khách hàng có nhu cầu sử dụng dấu trên website, brochure, báo cáo ESG/GHG, tài liệu công bố, tài liệu quảng cáo hoặc phương tiện truyền thông khác, TUV NORD Việt Nam có quyền yêu cầu khách hàng cung cấp bản thiết kế để xem xét trước khi sử dụng.

	QUY ĐỊNH VỀ VIỆC SỬ DỤNG DẤU VÀ TUYÊN BỐ VỀ THẨM TRA/THẨM ĐỊNH CỦA TUV NORD VIỆT NAM RULES FOR USE OF VERIFICATION/VALIDATION MARK AND STATEMENT OF TUV NORD VIETNAM	Doc. No.: TNV-V00MU03
		REV: 00
		Page 4 of 8

Where the client intends to use the mark on a website, brochure, ESG/GHG report, public statement, advertising material or other communication medium, TUV NORD Vietnam may require the proposed artwork/material to be submitted for review before use.

MẪU DẤU ÁP DỤNG / APPLICABLE MARKS

Mẫu dấu TUV NORD Việt Nam
TUV NORD Vietnam Mark



Mẫu dấu công nhận BoA/VICAS
BoA/VICAS Accreditation Mark



Số hiệu ý kiến thẩm tra/
Verification Opinion No.: TNV29x4yyzzzz

Lưu ý: Dấu BoA/VICAS chỉ được sử dụng kết hợp với dấu của TUV NORD Việt Nam khi đáp ứng các yêu cầu của BoA/VICAS và phạm vi công nhận tương ứng; không được sử dụng độc lập theo cách gây hiểu lầm về tình trạng công nhận.

Note: The BoA/VICAS mark shall only be used in combination with the TUV NORD Vietnam mark when fulfilling the requirements of BoA/VICAS and the corresponding accreditation scope; it must not be used independently in a manner that creates a misleading impression regarding the accreditation status.

6. ĐIỀU KIỆN VÀ PHẠM VI SỬ DỤNG DẤU **CONDITIONS AND SCOPE OF USE**

- Quyền sử dụng dấu chỉ áp dụng cho đối tượng đã được thẩm tra/thẩm định và được nêu trong ý kiến, ví dụ doanh nghiệp, cơ sở hoạt động, dự án hoặc sản phẩm. Không được sử dụng dấu ngoài phạm vi ý kiến.
Authorization to use the mark applies exclusively to the verified/validated object identified in the Opinion, such as an organization, operating facility, project or product. Use outside the scope of the Opinion is not permitted.
- Dấu phải được sử dụng trong mối liên hệ trực tiếp với đối tượng/claim đã được thẩm tra/thẩm định.
The mark shall be used in immediate association with the verified/validated object or claim.
- Việc sử dụng dấu trong tài liệu truyền thông phải phản ánh đúng phạm vi đã được thẩm tra/thẩm định và không được mở rộng thành một tuyên bố cho các hoạt động, cơ sở, sản phẩm hoặc dịch vụ không thuộc phạm vi.
Use of the mark in communications shall accurately reflect the verified/validated scope and shall not extend the statement to activities, facilities, products or services outside that scope.
- Ý kiến và dấu chỉ được sử dụng bởi khách hàng. Việc chuyển giao quyền sử dụng cho bên thứ ba hoặc người kế thừa pháp lý phải được TUV NORD Việt Nam chấp thuận rõ ràng bằng văn bản; trong trường hợp cần thiết có thể phải thực hiện thẩm tra/thẩm định mới.

	QUY ĐỊNH VỀ VIỆC SỬ DỤNG DẤU VÀ TUYÊN BỐ VỀ THẨM TRA/THẨM ĐỊNH CỦA TUV NORD VIỆT NAM RULES FOR USE OF VERIFICATION/VALIDATION MARK AND STATEMENT OF TUV NORD VIETNAM	Doc. No.: TNV-V00MU03
		REV: 00
		Page 5 of 8

The Opinion and mark may only be used by the client. Transfer to a third party or legal successor requires the express written approval of TUV NORD Vietnam; a new verification/validation may be required where necessary.

- e. Khách hàng phải thông báo ngay bằng văn bản cho TUV NORD Việt Nam về các thay đổi quan trọng liên quan đến đối tượng được thẩm tra/thẩm định hoặc claim có thể ảnh hưởng đến tính phù hợp của ý kiến.

The client shall immediately inform TUV NORD Vietnam in writing of significant changes relating to the verified/validated object or claim that may affect the validity or applicability of the Opinion.

7. SỬ DỤNG DẤU TRONG QUẢNG CÁO VÀ TRUYỀN THÔNG USE OF THE MARK IN ADVERTISING AND PUBLICITY

- a. Được phép sử dụng dấu trong các tài liệu quảng cáo, brochure, website, báo cáo hoặc tài liệu công bố nếu nội dung viện dẫn gắn trực tiếp với đối tượng/claim đã được thẩm tra/thẩm định và không gây hiểu lầm.

The mark may be used in advertising materials, brochures, websites, reports or public statements where the reference is directly associated with the verified/validated object or claim and is not misleading.

- b. Không được sử dụng dấu hoặc tuyên bố theo cách làm cho người đọc hiểu rằng sản phẩm, dịch vụ, quá trình hoặc toàn bộ tổ chức đã được chứng nhận/thẩm tra/thẩm định nếu ý kiến không bao phủ đối tượng đó.

The mark or statement shall not be used in a manner that causes readers to understand that a product, service, process or the entire organization has been certified/verified/validated where the Opinion does not cover that object.

- c. Không được sử dụng dấu để tạo ấn tượng rằng TUV NORD Việt Nam là cơ quan nhà nước hoặc có thẩm quyền của Chính phủ.

The mark shall not be used to create the impression that TUV NORD Vietnam is a governmental authority or has governmental powers.

8. VIỆN DẪN Ý KIẾN VÀ KẾT QUẢ THẨM TRA/THẨM ĐỊNH REFERENCE TO THE OPINION AND VERIFICATION/VALIDATION RESULT

Mọi viện dẫn phải có khả năng truy xuất đến TUV NORD Việt Nam và ý kiến tương ứng. Khi phù hợp, việc viện dẫn nên thể hiện tối thiểu tên khách hàng/đối tượng, nội dung claim hoặc đối tượng được thẩm tra/thẩm định và số ý kiến.

References shall be traceable to TUV NORD Vietnam and the relevant Opinion. Where appropriate, the reference should at least identify the client/object, the verified/validated claim or object and the Opinion number.

Nội dung / Item	Quy định / Requirement
Ví dụ viện dẫn phù hợp <i>Example of appropriate reference</i>	“Báo cáo/tuyên bố GHG được TUV NORD Việt Nam thẩm tra – Số ý kiến [XXXX], áp dụng cho [phạm vi/đối tượng xác định].” <i>“GHG statement verified by TUV NORD Vietnam – Opinion No. [XXXX], covering [defined scope/object].”</i>
Yêu cầu kiểm soát <i>Control requirement</i>	Nội dung viện dẫn không được tách rời khỏi thông tin xác định phạm vi khi việc tách rời có thể gây hiểu lầm. <i>The reference shall not be separated from scope-identifying information where such separation could be misleading.</i>

	QUY ĐỊNH VỀ VIỆC SỬ DỤNG DẤU VÀ TUYÊN BỐ VỀ THẨM TRA/THẨM ĐỊNH CỦA TUV NORD VIỆT NAM RULES FOR USE OF VERIFICATION/VALIDATION MARK AND STATEMENT OF TUV NORD VIETNAM	Doc. No.: TNV-V00MU03
		REV: 00
		Page 6 of 8

9. CÁC TRƯỜNG HỢP KHÔNG ĐƯỢC PHÉP SỬ DỤNG PROHIBITED USE

- Sử dụng dấu ngoài phạm vi hoặc ngoài đối tượng được nêu trong ý kiến.
Using the mark outside the scope or object stated in the Opinion.
- Sử dụng dấu khi ý kiến đã bị đình chỉ, thu hồi, tuyên bố vô hiệu hoặc quyền sử dụng đã chấm dứt.
Using the mark when the Opinion has been suspended, withdrawn, declared invalid or the right of use has ended.
- Tự ý thay đổi hình dạng, màu sắc, nội dung nhận diện hoặc cấu trúc của dấu.
Altering the form, color, identifying content or structure of the mark without authorization.
- Sử dụng dấu hoặc ý kiến theo cách gây hiểu nhầm về phạm vi, bản chất hoặc mức độ của hoạt động thẩm tra/thẩm định.
Using the mark or Opinion in a misleading manner regarding the scope, nature or extent of the verification/validation activity.
- Chuyển giao quyền sử dụng dấu cho bên thứ ba mà không có chấp thuận bằng văn bản của TUV NORD Việt Nam.
Transferring the right to use the mark to a third party without written approval from TUV NORD Vietnam.
- Sử dụng dấu như một dấu chứng nhận sản phẩm, dịch vụ hoặc hệ thống quản lý.
Using the mark as a product, service or management-system certification mark.

10. KIỂM SOÁT VÀ GIÁM SÁT VIỆC SỬ DỤNG DẤU CONTROL AND MONITORING OF MARK USE

- TUV NORD Việt Nam duy trì quyền kiểm soát đối với các ý kiến do mình phát hành và quyền sử dụng dấu liên quan.
TUV NORD Vietnam retains control over the Opinions it issues and the associated rights to use the mark.
- Thông tin về việc sử dụng dấu sai, khiếu nại hoặc thông tin mới có thể ảnh hưởng đến độ tin cậy của ý kiến phải được ghi nhận, xem xét và xử lý theo quy trình liên quan.
Information concerning misuse of the mark, complaints or new information that may affect the reliability of an Opinion shall be recorded, reviewed and addressed in accordance with applicable procedures.
- TUV NORD Việt Nam có thể yêu cầu khách hàng cung cấp bằng chứng về việc chấm dứt sử dụng dấu hoặc thu hồi tài liệu khi quyền sử dụng bị chấm dứt.
TUV NORD Vietnam may require the client to provide evidence that use of the mark has ceased or that documents have been withdrawn when the right of use is terminated.

11. ĐÌNH CHỈ, THU HỒI VÀ CHẤM DỨT QUYỀN SỬ DỤNG SUSPENSION, WITHDRAWAL AND TERMINATION OF THE RIGHT OF USE

Quyền sử dụng dấu chấm dứt ngay khi ý kiến bị đình chỉ hoặc thu hồi, không phụ thuộc vào thời hạn hợp đồng còn lại.

The right to use the mark ends immediately when the Opinion is suspended or withdrawn, irrespective of the remaining contractual term.

Các trường hợp áp dụng đình chỉ, thu hồi:

Grounds for suspension/withdrawal:

	QUY ĐỊNH VỀ VIỆC SỬ DỤNG DẤU VÀ TUYÊN BỐ VỀ THẨM TRA/THẨM ĐỊNH CỦA TUV NORD VIỆT NAM RULES FOR USE OF VERIFICATION/VALIDATION MARK AND STATEMENT OF TUV NORD VIETNAM	Doc. No.: TNV-V00MU03
		REV: 00
		Page 7 of 8

- a. Khách hàng không thông báo kịp thời các thay đổi quan trọng liên quan đến đối tượng/claim đã được thẩm tra/thẩm định hoặc các thay đổi có thể ảnh hưởng đáng kể đến ý kiến.
The client fails to promptly report significant changes relating to the verified/validated object or claim, or changes that may materially affect the Opinion.
- b. Dấu và/hoặc ý kiến được sử dụng trái với các quy định tại tài liệu này.
The mark and/or Opinion is used contrary to these rules.
- c. Kết quả thẩm tra/thẩm định bổ sung không còn đủ căn cứ để duy trì ý kiến.
The result of follow-up verification/validation no longer supports maintenance of the Opinion.
- d. Phát sinh tranh chấp liên quan đến dấu trong phạm vi luật cạnh tranh hoặc quyền sở hữu trí tuệ.
A dispute arises concerning the mark under competition law or intellectual property rights.
- e. Không thể thực hiện hoạt động thẩm tra/thẩm định bổ sung theo thời hạn quy định do nguyên nhân thuộc về khách hàng.
Follow-up verification/validation cannot be performed within the specified period for reasons attributable to the client.

12. TRÁCH NHIỆM CỦA KHÁCH HÀNG CLIENT RESPONSIBILITIES

- a. Sử dụng dấu và ý kiến đúng mẫu, đúng phạm vi, đúng đối tượng và đúng thời hạn được phép.
Use the mark and Opinion in the approved form, within the approved scope and object, and during the authorized period.
- b. Đảm bảo mọi tuyên bố quảng cáo hoặc truyền thông liên quan đến kết quả thẩm tra/thẩm định là trung thực và không gây hiểu lầm.
Ensure that all advertising or publicity statements relating to verification/validation results are truthful and non-misleading.
- c. Thông báo ngay cho TUV NORD Việt Nam về các thay đổi có thể ảnh hưởng đến đối tượng/claim hoặc ý kiến.
Immediately notify TUV NORD Vietnam of changes that may affect the object/claim or Opinion.
- d. Khi quyền sử dụng bị chấm dứt, ngừng ngay việc sử dụng dấu và ý kiến; thu hồi khỏi các kênh lưu hành phù hợp và cung cấp bằng chứng khi được yêu cầu.
When the right of use is terminated, immediately cease using the mark and Opinion, withdraw them from relevant circulation channels and provide evidence when requested.
- e. Không chuyển giao hoặc cho phép bên thứ ba sử dụng dấu nếu chưa được TUV NORD Việt Nam chấp thuận bằng văn bản.
Do not transfer or permit a third party to use the mark without written approval from TUV NORD Vietnam.

13. TRÁCH NHIỆM CỦA TUV NORD VIỆT NAM TUV NORD VIETNAM RESPONSIBILITIES

- a. Kiểm soát và cung cấp mẫu dấu áp dụng cho từng loại ý kiến.
Control and provide the applicable mark for each type of Opinion.
- b. Duy trì quyền quyết định đối với việc phát hành, duy trì, mở rộng/thu hẹp phạm vi, đình chỉ, khôi phục hoặc thu hồi ý kiến theo các quy trình áp dụng.
Retain decision-making authority regarding issue, maintenance, extension/restriction, suspension, reinstatement or withdrawal of Opinions in accordance with applicable procedures.

	QUY ĐỊNH VỀ VIỆC SỬ DỤNG DẤU VÀ TUYÊN BỐ VỀ THẨM TRA/THẨM ĐỊNH CỦA TUV NORD VIỆT NAM RULES FOR USE OF VERIFICATION/VALIDATION MARK AND STATEMENT OF TUV NORD VIETNAM	Doc. No.: TNV-V00MU03
		REV: 00
		Page 8 of 8

- c. Xem xét và xử lý thông tin về việc sử dụng dấu sai, khiếu nại hoặc thông tin mới có thể ảnh hưởng đến độ tin cậy của ý kiến.
Review and address information concerning misuse of the mark, complaints or new information that may affect the reliability of an Opinion.
- d. Thông báo hoặc thực hiện các biện pháp phù hợp khi quyền sử dụng dấu bị đình chỉ hoặc chấm dứt.
Notify or take appropriate action when the right to use the mark is suspended or terminated.

14. HỒ SƠ VÀ LƯU TRỮ RECORDS AND RETENTION

Loại hồ sơ / Record	Nội dung / Content
Hồ sơ phê duyệt mẫu dấu <i>Mark approval records</i>	Bản mẫu dấu được phê duyệt; email/văn bản phê duyệt; bản thiết kế đã xem xét (nếu áp dụng). <i>Approved mark sample; approval email/written approval; reviewed design layout (if applicable).</i>
Hồ sơ ý kiến <i>Opinion records</i>	Ý kiến và các phụ lục/bổ sung liên quan. <i>Opinion and related annexes/addenda.</i>
Hồ sơ sử dụng dấu <i>Mark-use records</i>	Các trường hợp sử dụng được yêu cầu xem xét/phê duyệt và bằng chứng xử lý sử dụng sai (nếu có). <i>Use cases submitted for review/approval and evidence of handling misuse (if any).</i>
Hồ sơ đình chỉ/thu hồi <i>Suspension-withdrawal records</i>	Thông báo đình chỉ/thu hồi/chấm dứt và bằng chứng khách hàng đã ngừng sử dụng hoặc thu hồi tài liệu khi được yêu cầu. <i>Suspension/withdrawal/termination notices and evidence that the client has ceased use or recalled materials upon request.</i>

15. TÀI LIỆU LIÊN QUAN RELATED DOCUMENTS

- a. TNV-V00MU02 – Thỏa thuận chung về dịch vụ thẩm tra/thẩm định Tuyên bố khí nhà kính và sử dụng dấu phù hợp theo ISO 17029, ISO 14065 và ISO 14064-3.
TNV-V00MU02 – General Conditions for Verification/Validation service of Greenhouse gas Statement and Use of Marks according to ISO 17029, ISO 14065 and ISO 14064-3.
- b. ISO/IEC 17029 – Đánh giá sự phù hợp – Nguyên tắc và yêu cầu chung đối với các tổ chức thẩm định và thẩm tra.
ISO/IEC 17029 – Conformity assessment – General principles and requirements for validation and verification bodies.
- c. ISO 14065 – Nguyên tắc và yêu cầu chung đối với các tổ chức thẩm định và thẩm tra thông tin môi trường
ISO 14065 – General principles and requirements for bodies validating and verifying environmental information.
- d. ISO 14064-3 – Khí nhà kính – Phần 3: Quy định kỹ thuật kèm theo hướng dẫn cho thẩm tra và thẩm định các tuyên bố khí nhà kính.
ISO 14064-3 – Greenhouse gases – Part 3: Specification with guidance for the verification and validation of greenhouse gas statements.